

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP và kinh tế - xã hội tháng 4,
nhiệm vụ trọng tâm tháng 5 năm 2020 của tỉnh Quảng Ngãi**

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 20/01/2019 về Chương trình công tác năm 2020 của UBND tỉnh. Đến nay, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã triển khai xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch hành động cụ thể; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện.

Đồng thời, thực hiện Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 13/3/2020 về đẩy mạnh phòng, chống dịch Covid-19, tập trung thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và các giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội; Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 về việc thành lập Ban chỉ đạo xử lý, tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn trong sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và triển khai thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Trong 4 tháng đầu năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng bị ảnh hưởng nặng nề, tuy nhiên, tỉnh đã và đang nỗ lực tập trung thực hiện hai nhiệm vụ song hành là vừa phòng, chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế - xã hội theo đúng tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, đặc biệt là công tác hỗ trợ an sinh xã hội luôn được quan tâm đặt lên hàng đầu. Đồng thời, nỗ lực tập trung hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH THÁNG 4 NĂM 2020

1. Lĩnh vực kinh tế

- a) Sản xuất công nghiệp, đầu tư và xây dựng
- Sản xuất công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp trong tháng ước đạt 9.876,6 tỷ đồng¹, giảm 6,07% so với tháng trước và giảm 0,68% so với tháng 4/2019. Lũy kế 4 tháng đầu năm ước đạt 40.433,4 tỷ đồng², tăng 2,37% so với cùng kỳ năm trước³ và đạt 28,8% kế hoạch năm; nếu không tính sản phẩm lọc hóa dầu thì GTSX tăng 17,8%.

Một số sản phẩm tăng so với cùng kỳ năm 2019 như: Nước khoáng tăng 11,7%; đá xây dựng các loại tăng 31,2%; tinh bột mì trên địa bàn tỉnh tăng 3,9%; giày da các loại tăng 43,2%; cuộn cảm tăng 8,1%; sợi bông tăng 12,2%; thép xây dựng tăng 349%... Tuy nhiên, có một số sản phẩm giảm so cùng kỳ gồm: Thủy sản chế biến giảm 0,8%; đường RS giảm 70,7%; bánh kẹo các loại giảm 15,4%; sữa các loại trên địa bàn tỉnh giảm 32,2%; bia các loại giảm 35%; sản phẩm lọc dầu giảm 2,3%; phân hóa học giảm 18,5%; gạch nung các loại giảm 14%; sản phẩm may mặc giảm 6%; nước máy thương phẩm giảm 8,3%; dăm gỗ nguyên liệu giấy giảm 28,6%; tai nghe giảm 80,5%.

- Đầu tư và xây dựng

Tổng vốn đầu tư công từ ngân sách Nhà nước do tỉnh quản lý năm 2020 là 5.876,178 tỷ đồng⁴. Đến nay, tỉnh đã hoàn thành việc phân khai kế hoạch chi tiết cho các đơn vị để triển khai thực hiện là 5.319,810 tỷ đồng; cụ thể: Nguồn cân đối ngân sách địa phương: 3.821,45 tỷ đồng⁵; nguồn vốn ngân sách Trung ương: 1.498,36 tỷ đồng⁶. Ước đến ngày 30/4/2020, tổng giá trị giải ngân là 699,2 tỷ đồng, đạt 13,1% kế hoạch đã phân khai chi tiết, trong đó: Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương giải ngân 408,1 tỷ đồng, đạt 10,7% kế hoạch; nguồn vốn ngân sách Trung ương giải ngân 291,1 tỷ đồng, đạt 19,4% kế hoạch.

b) Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Về nông nghiệp: Vụ lúa Đông - Xuân gieo sạ ước đạt 38.020,6 ha, giảm 0,4% (154,6 ha) so với vụ năm 2019⁷; tổng diện tích thu hoạch đạt 33.893,1 ha; năng suất chung cả vụ đạt 60,4 tạ/ha, giảm 0,5 tạ/ha so với cùng vụ năm 2019. Diện tích ngô gieo trồng đạt 4.646,1 ha, tăng 0,3%; diện tích khoai lang đạt 186,5 ha, giảm 9,4%; diện tích lạc đạt 4.230,1 ha, tăng 1,6%; diện tích đậu tương đạt 30,6 ha, tăng 42,3%; diện tích rau đạt 6.962,5 ha, tăng 1,6% so với vụ năm 2019.

Tình hình sâu bệnh gây hại cho cây trồng có xảy ra trên cây lúa và một số loại rau, màu, cây công nghiệp (nhiễm bệnh virus khảm lá sắn với tỷ lệ hại phổ

¹ Theo giá CĐ 2010.

² Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước đạt 30.834,28 tỷ đồng, giảm 2,18%; kinh tế ngoài nhà nước đạt 8.059,6 tỷ đồng, tăng 32,3% và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 1.539 tỷ đồng, giảm 18,2%.

³ Do có sản phẩm mới là thép Hoà Phát và một số ngành vẫn duy trì được nhịp độ sản xuất.

⁴ Bao gồm: (1) Vốn cân đối NSDP là 4.037,45 tỷ đồng; (2) Vốn NSTW là 1.838,728 tỷ đồng.

⁵ Bao gồm: (1) 1.716,45 tỷ đồng từ nguồn vốn trong cân đối theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức; (2) 2.000 tỷ đồng từ nguồn thu sử dụng đất và (3) 105 tỷ đồng vốn xổ số kiến thiết.

⁶ Bao gồm: (1) Vốn CTMTQG Xây dựng Nông thôn mới là 434,72 tỷ đồng; (2) Vốn CTMTQG Giảm nghèo bền vững là 344,532 tỷ đồng; (3) Vốn CTMT là 337,061 tỷ đồng; (4) Nguồn vốn ODA là 382,047 tỷ đồng.

⁷ Nguyên nhân diện tích lúa giảm là do một số diện tích đang trong quá trình dồn điền đổi thửa, san ủi cải tạo đồng ruộng; một số diện tích được chuyển mục đích sử dụng...

biến 5-30%, có nơi lên đến 90%). Công tác phòng, chống sâu bệnh được duy trì thường xuyên và triển khai định kỳ.

Về chăn nuôi: Ước tính đến thời điểm cuối tháng, đàn trâu đạt 69.377 con, giảm 1,4% so với cùng kỳ năm 2019; đàn bò đạt 280.097 con, tăng 0,4%; đàn lợn đạt 404.633 con⁸, giảm 1,4%⁹; đàn gia cầm đạt 5.094,1 ngàn con, tăng 2,4%. Trong tháng, bệnh dịch tả lợn Châu Phi vẫn tiếp tục xảy ra buộc phải tiêu hủy 45 con (tương đương 2,3 tấn lợn hơi), bệnh lở mồm long móng gia súc đã được kiểm soát, hiện đã qua 21 ngày không phát sinh. Các bệnh thông thường ở gia súc, gia cầm có xảy ra rải rác, nhỏ lẻ và đã được giám sát, phòng trị kịp thời.

Về lâm nghiệp: Diện tích rừng trồng tập trung trong tháng ước đạt 315 ha, giảm 33% so với cùng tháng năm 2019; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 90.470m³, giảm 44,2%¹⁰. Lũy kế 4 tháng, rừng trồng tập trung ước đạt 6.263 ha, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm 2019; sản lượng gỗ khai thác đạt 375.740m³, giảm 16,3%.

Trong tháng, phát hiện 49 vụ vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, tăng 28 vụ so với cùng tháng năm 2019. Trong 4 tháng đầu năm, phát hiện 99 vụ vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, tăng 44 vụ so với cùng kỳ năm 2019; xảy ra 01 vụ cháy rừng¹¹, hiện đang xác định mức độ thiệt hại.

Về thủy sản: Sản lượng thủy sản trong tháng ước đạt 25.801,4 tấn, tăng 2,3% so với tháng 4/2019, trong đó, sản lượng khai thác ước đạt 25.349,1 tấn, tăng 2%; sản lượng nuôi thu hoạch ước đạt 452,3 tấn, tăng 22,3%. Ước tính 4 tháng, sản lượng thủy sản đạt 89.680,4 tấn, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm 2019; trong đó, sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 88.219,6 tấn¹², tăng 3,3%; sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 1.460,8 tấn¹³, tăng 13%.

c) Thương mại và dịch vụ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong tháng ước đạt 3.128,9 tỷ đồng, giảm 26,39% so với tháng trước và giảm 31,87% so với tháng 4/2019. Lũy kế 4 tháng ước đạt 16.955,8 tỷ đồng, giảm 6,48% so với cùng kỳ năm 2019, đạt 28,3% so với kế hoạch năm.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4/2020 giảm 2,03% so với tháng trước¹⁴; giảm 1,45% so với tháng 12 năm trước; tăng 2,51% so với cùng tháng năm trước; CPI bình quân 4 tháng đầu năm tăng 4,78% so với cùng kỳ năm 2019.

Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 110,6 triệu USD, tăng 2,3% so với tháng

⁸ Không tính lợn con chưa tách mẹ.

⁹ Do vẫn còn ảnh hưởng của dịch tả lợn châu Phi, người chăn nuôi chưa tái đàn (tối thiểu 6 tháng mới được tái đàn).

¹⁰ Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 làm cho thị trường xuất khẩu gỗ gặp khó khăn, giá gỗ keo giảm nên người dân hạn chế khai thác.

¹¹ Tại xã Đức Minh huyện Mộ Đức.

¹² Khai thác trên biển đạt 88.024,4 tấn, tăng 3,3%, khai thác nội địa đạt 195,2 tấn, tăng 8,1%.

¹³ Thu hoạch tôm đạt 1.016,1 tấn (9,9 tấn tôm sú), tăng 14,3%; thu hoạch cá đạt 311 tấn, tăng 7,5%; thủy sản khác đạt 133,8 tấn tăng 16,5%.

¹⁴ Đây là mức giảm mạnh trong những năm gần đây.

trước, tăng 72,5% so với tháng 4/2019. Lũy kế 4 tháng đầu năm ước đạt 389,69 triệu USD¹⁵, tăng 55,8% so với cùng kỳ năm trước và đạt 39% kế hoạch năm.

Một số sản phẩm xuất khẩu đạt khá như: Thủy sản tăng 11,7%; nguyên liệu giấy tăng 5,8%; thực phẩm chế biến tăng 16,1%; sản phẩm cơ khí tăng 55,3%; giày dép các loại tăng 5,4%; may mặc tăng 28,4%; tinh bột mì tăng 1%; sợi bông tăng 6,6%... Một số sản phẩm có kim ngạch xuất khẩu giảm: Đồ gỗ giảm 6,2%; dầu FO giảm 23%; linh kiện điện tử các loại giảm 79%.

Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 125,6 triệu USD, giảm 27,7% so với tháng trước, tăng 21,8% so với tháng 4/2019. Lũy kế 4 tháng đầu năm ước đạt 727,5 triệu USD, tăng 203% so với cùng kỳ năm trước¹⁶, bằng 58,7% kế hoạch năm.

Hoạt động vận tải (không kể vận tải đường sắt): Doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 204,7 tỷ đồng, giảm 29,97% so với tháng trước và giảm 40,53% so với tháng 4/2019. Lũy kế 4 tháng đầu năm ước đạt 1.195,7 tỷ đồng¹⁷, giảm 14,13% so với cùng kỳ năm 2019¹⁸.

Tín dụng ngân hàng: Ước tính đến cuối tháng 4/2020, huy động vốn khoảng 54.740 tỷ đồng, tăng 2,22% so với cuối năm 2019; tổng dư nợ cho vay ước đạt 50.100 tỷ đồng, tăng 0,33%; nợ xấu chiếm 2,2%/tổng dư nợ.

d) Thu, chi ngân sách

Tổng thu cân đối ngân sách trên địa bàn trong tháng ước đạt 835 tỷ đồng, trong đó, thu nội địa ước đạt 568 tỷ đồng¹⁹, thu hoạt động xuất nhập khẩu ước đạt 267 tỷ đồng. Lũy kế 4 tháng đầu năm ước đạt 5.618 tỷ đồng, bằng 157,5% so với cùng kỳ năm 2019 và đạt 30,3% dự toán năm. Trong đó, thu nội địa ước đạt 4.059 tỷ đồng²⁰, bằng 102,5% so với cùng kỳ và đạt 26,4% dự toán; thu hoạt động xuất nhập khẩu ước đạt 1.560 tỷ đồng, đạt 48,7% dự toán.

Tổng chi ngân sách địa phương trong tháng khoảng 544 tỷ đồng, lũy kế 4 tháng đầu năm khoảng 3.033 tỷ đồng, bằng 22,6% so với dự toán năm 2020.

đ) Thu hút đầu tư và quản lý doanh nghiệp

Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài (FDI): Trong tháng, không có dự án FDI được cấp giấy chứng nhận đầu tư. Từ đầu năm đến ngày 20/4/2020, có 01 dự án FDI được cấp giấy chứng nhận đầu tư²¹ với tổng vốn đăng ký 20 triệu

¹⁵ Trong đó, kim ngạch xuất khẩu của doanh nghiệp có vốn trong nước đạt 260,21 triệu USD, tăng 74%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 129,48 triệu USD, tăng 28,7% so với cùng kỳ năm trước.

¹⁶ Nguyên nhân tăng: kim ngạch nhập khẩu dầu thô tăng gấp 3,6 lần, kim ngạch nhập khẩu sắt thép tăng gấp 10,2 lần so với năm 2019.

¹⁷ Trong đó, vận tải hành khách ước đạt 318,5 tỷ đồng, giảm 18,99%; vận tải hàng hóa ước đạt 659,2 tỷ đồng, giảm 5,65%; dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 218,0 tỷ đồng, giảm 27,49%.

¹⁸ Hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2020 đều giảm so với cùng kỳ năm trước là do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhu cầu đi lại của người dân vẫn giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa giảm, dẫn đến vận tải hàng hóa và hoạt động dịch vụ vận tải giảm theo. Ngoài ra, nhu cầu xây dựng cũng chững lại làm cho doanh thu vận tải hàng hóa giảm.

¹⁹ Trong tổng thu nội địa, nguồn thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất khoảng 204 tỷ đồng.

²⁰ Nguồn thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất khoảng 2.039 tỷ đồng, bằng 73% so với cùng kỳ năm trước và đạt 28,7% dự toán năm.

²¹ Dự án Nhà máy công nghiệp Asia Foam của Công ty TNHH Far Eart Foam Việt Nam.

USD. Lũy kế đến ngày 20/4/2020, toàn tỉnh có 64 dự án²² đầu tư FDI còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký 1.874,63 triệu USD.

Tình hình đầu tư trong nước: Trong tháng có 11 dự án²³ được cấp quyết định chủ trương đầu tư, tổng vốn đăng ký khoảng 308 tỷ đồng. Từ đầu năm đến ngày 20/4/2020, toàn tỉnh có 33 dự án²⁴ được cấp chủ trương đầu tư với tổng vốn đăng ký khoảng 2.369 tỷ đồng. Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 662 dự án²⁵ được cấp chủ trương đầu tư với tổng vốn đăng ký khoảng 298.724 tỷ đồng.

Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong tháng là 23 doanh nghiệp²⁶, giảm 47,7% so với tháng 4/2019. Lũy kế 4 tháng, số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới là 215 doanh nghiệp²⁷, giảm 19,48% so với cùng kỳ năm 2019; tổng vốn đăng ký 835,06 tỷ đồng, giảm 55,06%. Từ đầu năm đến nay, có 78 doanh nghiệp hoạt động trở lại, giảm 17,89%; 189 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 21,15%; 33 doanh nghiệp đã giải thể, giảm 8,33% so với cùng kỳ.

e) Tài nguyên môi trường

Tiếp tục đẩy mạnh công tác khắc phục các tồn tại về tài nguyên, môi trường và nâng cao chất lượng công tác quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục tăng cường công tác kiểm soát việc đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư; giám sát chặt chẽ hoạt động của các cơ sở, nhà máy có xả thải ra môi trường. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh; giải quyết các vướng mắc liên quan đến quy hoạch khai thác khoáng sản đối với các mỏ cát đã tổ chức đấu giá thành.

Trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của các huyện, thị xã, thành phố.

f) Chương trình xây dựng nông thôn mới

Hoàn thiện hồ sơ đề nghị Trung ương xét, công nhận huyện Tư Nghĩa đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019. Trình Thường trực HĐND tỉnh bổ sung danh sách xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 của thành phố Quảng Ngãi. Góp ý dự thảo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025 gửi

²² Trong đó: có 59 dự án trong KKT, KCN và 05 dự án ngoài KKT, KCN.

²³ Trong đó: có 09 dự án ngoài KKT, KCN (tổng vốn khoảng 168 tỷ đồng) và 02 dự án trong KKT, KCN (tổng vốn khoảng 140 tỷ đồng).

²⁴ Trong đó: có 26 dự án ngoài KKT, KCN (tổng vốn khoảng 1.666 tỷ đồng) và 07 dự án trong KKT, KCN (tổng vốn khoảng 703 tỷ đồng).

²⁵ Trong đó: có 369 dự án ngoài KKT, KCN (tổng vốn khoảng 45.063 tỷ đồng) và 293 dự án trong KKT, KCN (tổng vốn khoảng 253.661 tỷ đồng).

²⁶ Trong đó: có 05 Công ty Cổ phần, 02 Công ty TNHH 2 thành viên trở lên, 14 Công ty TNHH MTV, 02 Doanh nghiệp tư nhân.

²⁷ Trong đó: có 24 Công ty Cổ phần, 59 Công ty TNHH 2 thành viên trở lên, 128 Công ty TNHH MTV, 04 Doanh nghiệp tư nhân. Ngoài ra, có 63 chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đăng ký thành lập mới.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Xây dựng Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án hỗ trợ thôn của các xã đặc biệt khó khăn khu vực miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới gắn với giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020.

2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và đào tạo

Thường xuyên theo dõi, chỉ đạo kịp thời công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trong ngành. Trong tháng, ngành tiếp tục thông báo cho học sinh nghỉ học và chỉ đạo các cấp trường tổ chức triển khai dạy học trực tuyến; đồng thời chỉ đạo, theo dõi việc vệ sinh trường, lớp học, chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện cho việc đón học sinh đi học trở lại.

Thực hiện điều chỉnh khung Kế hoạch thời gian năm học 2019-2020 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên. Tiếp tục thực hiện các nội dung có liên quan của Hội đồng thẩm định tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ngãi.

b) Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Hoạt động khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân kịp thời, đảm bảo; công tác kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở thực phẩm được tăng cường; công tác phòng chống dịch bệnh được thường xuyên theo dõi và giám sát. Trong tháng, toàn tỉnh ghi nhận 91 trường hợp mắc sốt xuất huyết, giảm 80 ca so với tháng trước.

Toàn ngành tập trung triển khai thực hiện các biện pháp, kế hoạch phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh Covid-19; xây dựng kế hoạch đáp ứng từng cấp độ dịch bệnh; thực hiện giám sát, cách ly. Tăng cường triển khai các hoạt động truyền thông và khuyến cáo người dân chủ động phòng, chống dịch Covid-19; thực hiện kiểm tra khai báo qua ứng dụng khai báo y tế toàn dân NCOVI với 31.632 lượt người; đã xác minh 4.350/4.558 người có yếu tố nguy cơ, tỷ lệ xác minh đạt 95,4%; hoàn thành công tác tiêu độc, khử trùng tại các trường học, cơ sở công cộng trên địa bàn tỉnh. Tính đến thời điểm báo cáo, trên địa bàn tỉnh chưa ghi nhận trường hợp nào nhiễm virus Covid-19; tổng số trường hợp cách ly tại nhà và nơi cư trú là 2.812 trường hợp, 19 trường hợp tại các khu cách ly tập trung của tỉnh, 07 trường hợp tại các cơ sở y tế.

c) Lao động - Thương binh và Xã hội

Thường xuyên theo dõi, nắm bắt kịp thời tình hình quản lý lao động, việc làm tại các doanh nghiệp trong tỉnh và việc thực hiện các chế độ, chính sách cho người lao động, nhất là chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Hướng dẫn trả lương ngừng việc và giải quyết chế độ cho người lao động trong thời gian ngừng việc do ảnh hưởng của dịch; tiếp nhận hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp qua bưu điện. Triển khai công tác thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động (cung, cầu lao động) trên địa bàn tỉnh.

Công tác giải quyết các chế độ chính sách đối với thương binh, liệt sỹ và người có công thực hiện theo đúng quy định; thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trong chi trả trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng. Tập trung thực hiện các biện pháp hỗ trợ người dân do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

d) Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tiếp tục triển khai nhiệm vụ xây dựng các hồ sơ di tích lịch sử, văn hoá cấp quốc gia, cấp tỉnh năm 2020. Xây dựng đề cương trung bày chuyên đề “*Một số hình ảnh, tư liệu từ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 1991-1995, đến Đại hội Đảng bộ lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2015-2020*” phục vụ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX.

Hiện nay, hầu hết các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể thao, du lịch đều dừng, tạm hoãn hoặc hạn chế quy mô tổ chức do dịch Covid-19. Trong tháng, lượng khách đến tham quan tại tỉnh ước đạt 300 lượt người²⁸, giảm 93% so với tháng 3 và giảm 98% so với cùng kỳ năm trước; tổng doanh thu ước đạt 05 tỷ đồng, giảm 91% so với tháng 3 và giảm 99% so với cùng kỳ năm 2019.

đ) Thông tin, truyền thông và Phát thanh truyền hình

Tiếp tục tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; công tác chuẩn bị Đại hội Đảng các cấp, các hoạt động kinh tế, văn hóa xã hội và an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh. Tăng cường tuyên truyền, thông tin kịp thời, chính xác, gắn với phổ biến kiến thức khoa giáo và cách phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Tổ chức kiểm tra, vận hành thử Hệ thống hội nghị truyền hình, đảm bảo sẵn sàng tổ chức các cuộc họp trực tuyến.

e) Khoa học và Công nghệ

Công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ được thực hiện chặt chẽ. Tiếp tục theo dõi, quản lý 51 nhiệm vụ khoa học và công nghệ²⁹. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng; thẩm định công nghệ, thiết bị cho 05 dự án đầu tư; hướng dẫn 03 doanh nghiệp đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; thực hiện kiểm định 365 phương tiện đo các loại. Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh.

3. Lĩnh vực nội chính, đối ngoại và quốc phòng an ninh

a) Công tác thanh tra, khiếu nại, tố cáo

Thực hiện 07 cuộc thanh tra kỳ trước chuyển sang; đã ban hành Kết luận 02 cuộc thanh tra, qua đó, phát hiện 08 đơn vị có sai phạm, với tổng số tiền 2.229,07 triệu đồng và 89.101,1m² đất, đã kiến nghị thu hồi cùng nhiều biện pháp khắc phục, chấn chỉnh khác. Ban Tiếp công dân tỉnh, Thanh tra tỉnh và lãnh đạo tỉnh đã tiếp 31 lượt/38 người/31 vụ việc, không có đoàn đông người.

²⁸ Trong đó, khách quốc tế ước đạt 120 lượt, giảm 89% so với tháng 3 và giảm 99% so với cùng kỳ năm 2019.

²⁹ Gồm 36 nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2019 sang và 15 nhiệm vụ mở mới năm 2020.

Tiếp nhận và xử lý 73 đơn của 72 vụ việc. Tiếp tục tổ chức thực hiện việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, công khai Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm 2020 và kết quả xử lý chồng chéo, trùng lặp lên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh.

b) Công tác tư pháp

Công tác thẩm định văn bản quy phạm pháp luật luôn được triển khai thực hiện thường xuyên và chú trọng nâng cao chất lượng thẩm định. Đã thực hiện thẩm định 06 lượt văn bản quy phạm pháp luật. Tăng cường tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật liên quan về phòng chống dịch Covid-19; phòng, chống tác hại của rượu bia; an toàn giao thông và an ninh mạng.

Công tác hành chính tư pháp tiếp tục đạt kết quả tích cực, giải quyết một lượng lớn yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp của người dân³⁰. Hoạt động hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý tiếp tục được triển khai thực hiện đạt hiệu quả, đáp ứng kịp thời yêu cầu của tổ chức và công dân, nhất là đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí.

c) Công tác Nội vụ

Công tác tổ chức bộ máy, biên chế luôn được rà soát, thực hiện theo quy định. Đề nghị Bộ Nội vụ bổ sung số lượng người làm việc thuộc lĩnh vực sự nghiệp giáo dục trên địa bàn tỉnh. Trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đời do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh. Sắp xếp bố trí, tuyển dụng đội viên trí thức trẻ tình nguyện sau khi kết thúc Đề án 500 gửi Bộ Nội vụ.

Công tác bổ nhiệm, điều động cán bộ được thực hiện theo đúng quy định. Công tác cải cách hành chính được tổ chức triển khai đồng bộ, toàn diện. Công tác thi đua, khen thưởng triển khai kịp thời³¹.

d) Công tác Ngoại vụ

Xúc tiến, vận động viện trợ Phi chính phủ nước ngoài đạt gần 1,6 tỷ đồng với 04 chương trình, dự án thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Thực hiện tốt công tác bảo hộ ngư dân, tàu thuyền trên địa bàn tỉnh, không có tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài để khai thác thủy hải sản trái phép; có 01 tàu cá cùng với 08 ngư dân bị tàu Trung Quốc tông chìm tại vùng biển Hoàng Sa, đã phối hợp với các cơ quan liên quan xác minh kết quả ban đầu để báo cáo Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao, đồng thời đề nghị Cục lãnh sự hỗ trợ xác minh 01 tàu cá cùng 16 ngư dân có khả năng bị Malaysia bắt giữ.

đ) Quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội

Tiếp tục duy trì công tác đảm bảo giữ vững, ổn định quốc phòng, an ninh

³⁰ Cấp phiếu lý lịch tư pháp cho 757/428 trường hợp yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp của công dân.

³¹ Đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất cho Nhân dân và cán bộ huyện Tư Nghĩa nhân kỷ niệm 45 năm Ngày giải phóng huyện Tư Nghĩa (24/3/1975 - 24/3/2020)...

chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Tỉnh đã chỉ đạo các ngành, các cấp và Nhân dân địa phương nâng cao ý thức và nghiêm túc chấp hành các quy định của Nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông; tăng cường tuyên truyền, tuần tra, kiểm soát và xử lý kiên quyết các hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông, an ninh mạng. Trong tháng, xảy ra 08 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 09 người và bị thương 02 người; tai nạn giao thông đường sắt và đường thủy nội địa không xảy ra.

Tóm lại: Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2020 đạt một số kết quả khả quan: Mặc dù sản xuất công nghiệp từ đầu năm đến nay chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, tuy nhiên, giá trị sản xuất công nghiệp 4 tháng đầu năm vẫn duy trì mức tăng trưởng so cùng kỳ năm trước nhờ có sản phẩm mới là thép Hoà Phát và một số ngành công nghiệp ngoài dầu vẫn duy trì được nhịp độ sản xuất; diện tích rừng trồng tập trung, sản lượng thủy sản, kim ngạch xuất khẩu tăng so với cùng kỳ. Tình hình thị trường, cung cầu lưu thông hàng hóa trên địa bàn tỉnh ổn định, lượng hàng hóa phong phú, đa dạng đảm bảo cung ứng nhu cầu mua sắm của Nhân dân. Bên cạnh đó, các chế độ, chính sách về an sinh xã hội luôn được các ngành, các cấp chú trọng và triển khai thực hiện sớm; triển khai gói hỗ trợ của Chính phủ cho các đối tượng gặp khó khăn do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19; công tác phòng, chống dịch Covid-19 được thực hiện quyết liệt; công tác kiểm tra, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, khám chữa bệnh cho Nhân dân được chủ động chuẩn bị và thực hiện tốt. Quốc phòng, an ninh chính trị, xã hội được giữ vững.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh hiện đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng nặng nề dưới tác động kép của dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm sâu, cụ thể: Giá trị sản xuất công nghiệp giảm; năng suất lúa thu hoạch vụ đông - xuân giảm so với vụ năm 2019; sản lượng gỗ khai thác, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải, số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới giảm so với cùng kỳ năm trước. Hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ và dịch vụ vui chơi, giải trí giảm mạnh. Tình hình doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh và giải thể còn nhiều do chưa tìm kiếm được cơ hội đầu tư. Hoạt động của các nhà máy sản xuất bị trì trệ, việc thi công các dự án bị gián đoạn, chậm tiến độ đề ra do số lượng lớn người lao động, chuyên gia nước ngoài chưa thể nhập cảnh...

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG CÔNG TÁC THÁNG 5 NĂM 2020

Để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ công tác tháng 5/2020, cần tiếp tục bám sát và triển khai thực hiện kịp thời chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020; các nội dung chỉ đạo, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương; Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 20/01/2019 về

Chương trình công tác năm 2020 của UBND tỉnh, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Khẩn trương chuẩn bị các nội dung trình HĐND tỉnh khóa XII, kỳ họp giữa năm. Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, đề xuất nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2020.

2. Triển khai thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

3. Tiếp tục tập trung thực hiện quyết liệt các giải pháp phòng, chống, kiểm soát tốt dịch bệnh Covid-19, kịp thời phát hiện cách ly các trường hợp nghi ngờ mắc bệnh đúng quy định, không để dịch bệnh lây lan, ảnh hưởng đến sức khỏe, đời sống của Nhân dân; tạo tâm lý an toàn, tin tưởng cho người dân duy trì ổn định sản xuất, kinh doanh. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết, đảm bảo an toàn phòng dịch Covid-19 khi học sinh trở lại trường học.

4. Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chính sách hỗ trợ của Chính phủ cho các đối tượng bị ảnh hưởng của dịch Covid -19. Thường xuyên cập nhập, tổng hợp tình hình lao động, tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; triển khai tốt công tác hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động và doanh nghiệp.

5. Khẩn trương lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư và triển khai thực hiện các dự án đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư; tập trung chỉ đạo, sớm hoàn thành đưa vào sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng quan trọng, phát huy tối đa công suất thiết kế, hiệu quả kinh tế - xã hội; ưu tiên tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để bảo đảm tiến độ, khối lượng và chất lượng công trình.

6. Thực hiện rà soát kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; tiến độ thực hiện dự án, tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 và khả năng cân đối ngân sách tỉnh; đề xuất các phương án, giải pháp cân đối nguồn vốn nhằm bố trí đủ vốn thực hiện các dự án đang triển khai theo đúng tiến độ, nhất là đối với các công trình hoàn thành và các công trình chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX.

7. Đẩy mạnh quản lý công tác thu chi và điều hành có hiệu quả ngân sách nhà nước. Thường xuyên theo dõi diễn biến tiến độ thu ngân sách nhà nước. Rà soát, cắt giảm các nhiệm vụ chi chưa cần thiết; điều hành chi ngân sách đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với tiến độ thu. Chủ động sắp xếp chi thường xuyên, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng, bảo đảm nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ cấp bách phòng, chống dịch Covid-19, các chính sách an sinh xã hội và điều chỉnh tiền lương.

8. Tập trung chỉ đạo sản xuất, thu hoạch vụ Đông - Xuân; triển khai sản xuất vụ Hè - Thu đúng thời vụ; nạo vét kênh mương, kiểm tra, điều tiết các hồ chứa, đập thủy lợi, có phương án chống hạn hiệu quả, đảm bảo nước tưới cho

vụ Hè - Thu. Tập trung công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, chú trọng phòng ngừa, kiểm soát dịch bệnh ở gia súc, gia cầm, chủ động tái sản xuất đàn lợn sau dịch tả lợn Châu Phi.

9. Tiếp tục đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm. Tăng cường công tác nắm tình hình, bảo đảm an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội; chủ động nắm bắt tình hình trên địa bàn tỉnh để tập trung triển khai kịp thời các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông dịp Lễ 30/4-01/5 và trong điều kiện diễn biến phức tạp của dịch Covid-19; tăng cường công tác quản lý an ninh mạng. Xây dựng kế hoạch, mở đợt cao điểm đấu tranh, chống đua xe trái phép trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Bộ Công an.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Bộ Tư lệnh Quân Khu V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách giúp việc Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH; VP HĐND tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn;
- Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - XH tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: C, PCVP, các P.N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, THptth124.



Võ Phiên

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU THÁNG 4 NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 73 /BC-UBND, ngày 29 tháng 4 năm 2020

của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Ước TH tháng 4/2020	Cộng dồn đến tháng báo cáo	% TH so với tháng trước	% TH so với tháng 4/2019	% TH lũy kế so với cùng kỳ 2019	% TH lũy kế so với KH năm 2020
1. Nông nghiệp								
- Tổng diện tích lúa Đông Xuân	Ha	38.208		38.020,6			99,6	99,5
2. Thủy sản								
- Sản lượng thủy sản đánh bắt	Tấn	209.500	25.349,1	88.219,6		102,00	103,3	42,1
3. Công nghiệp								
* Tổng giá trị sản xuất (giá SS năm 2010)	Tỷ đồng	140.379	9.877	40.433	93,9	99,32	102,4	28,8
* Một số sản phẩm chủ yếu:								
- Thủy sản chế biến	Tấn	12.000	912	3.859	93,7	101,11	99,2	32,2
- Đường RS (trên địa bàn tỉnh)	Tấn	9.500	0	2.562	0	0,00	29,3	27,0
- Bánh kẹo các loại	Tấn	14.000	812	3.704	99,8	84,60	84,6	26,5
- Sữa các loại (trên địa bàn tỉnh)	1.000 lít	110.000	5.632	19.534	113,9	62,84	67,7	17,8
- Bìa các loại	1.000 lít	190.000	7.899	39.925	75,6	52,55	64,9	21,0
- Nước khoáng	1.000 lít	110.000	10.350	36.839	107	114,66	111,7	33,5
- Sản phẩm lọc dầu	Tấn	6.050.000	560.571	2.262.700	95,3	98,56	97,7	37,4
- Phân hóa học	Tấn	35.000	2.020	9.601	82,3	94,17	81,5	27,4
- Gạch nung các loại	1.000 viên	460.000	30.420	116.952	93,4	76,34	85,9	25,4
- Đá xây dựng các loại	1.000 m ³	1.200	146	446,84	107,1	145,67	131,2	37,2
- Tinh bột mỳ (trên địa bàn tỉnh)	Tấn	55.000	6.000	25.943	75,4	105,75	103,9	47,2
- Sản phẩm may mặc	1.000 chiếc	17.000	825	4.248	97,9	92,18	94	25,0
- Điện sản xuất	Triệu kw/h	900	66	264	109,1	77,65	72,9	29,3
- Điện thương phẩm	Triệu kw/h	2.000	117	447	110,4	102,18	114,8	22,4
- Nước máy thương phẩm	1.000 m ³	15.000	1.115	4.577	96,6	83,52	91,7	30,5
- Dăm gỗ nguyên liệu giấy	Tấn	1.000.000	59.250	239.342	94	59,79	71,4	23,9
- Tai nghe	1.000 cái	13.000	306	1336	77,1	18,95	19,5	10,3
- Cuộn cảm	1.000 cái	85.000	9.400	29.975	110,9	172,10	108,1	35,3
- Giày da các loại	1.000 đôi	12.000	532	2.614	101,7	91,72	143,2	21,8
- Sợi bông	Tấn	35.000	2.917	11.389	83,9	97,75	112,2	32,5
- Thép xây dựng	1.000 tấn	3.500	100	390,468	83,1	220,17	449,4	11,2
4. Thương mại								
- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	59.919	3.129	16.955,8	73,6	68,13	93,50	28,3
- Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	1.000	110,603	389,693	102,3	172,50	155,8	39,0
* Mặt hàng XK chủ yếu								
+ Thủy sản	"	20	1,978	7,246	103,6	116,15	111,7	36,2
+ Tinh bột mỳ	"	96	12,446	37,09	99,7	140,76	101	38,6
+ Đồ gỗ	"	4	0,339	1,802	70,9	68,48	93,8	45,1
+ Dăm gỗ nguyên liệu giấy	"	155	14,409	56,795	100,1	104,10	105,8	36,6
+ May mặc	"	25	3,509	9,852	101,1	201,44	128,4	39,4
+ Hàng thực phẩm chế biến	"	9,5	0,9	2,89	116,4	175,78	116,1	30,4
+ Sản phẩm cơ khí	"	100	16,336	66,299	124	155,30	155,3	66,3

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Ước TH tháng 4/2020	Cộng dồn đến tháng báo cáo	% TH so với tháng trước	% TH so với tháng 4/2019	% TH lũy kế so với cùng kỳ 2019	% TH lũy kế so với KH năm 2020
+ Dầu FO	"	56,5	2,93	21,93	52,3	35,34	77,2	38,8
+ Sợi bông	"	150	9,28	30,755	87,7	111,57	106,6	20,5
+ Điện tử các loại và linh kiện	"	5,1	0,14	0,586	100	19,13	20,7	11,5
+ Giày dép các loại	"	118	2,568	26,296	52,2	56,49	105,4	22,3
+ Thép	"	200	36,849	97,243	118,1			48,6
+ Hàng hoá khác	"	60,5	8,919	30,909	99,1	194,87	230,5	51,1
- Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	1.240	125,654	727,553	72,3	121,85	303,6	58,7
<i>* Mặt hàng NK chủ yếu</i>								
+ Máy móc, phụ tùng thay thế	"	70	1,505	10,108	107,3	56,64	46,1	14,4
+ Sắt thép	"	80	55,582	214,803	100,9	810,23	1.023,7	268,5
+ Dầu thô	"	750	46,08	419,08	50,3	62,47	369,2	55,9
+ Vải, nguyên phụ liệu may mặc, da giày	"	100	9,136	35,32	102,6	95,34	133,9	35,3
+ Bông các loại	"	123	11,852	40,961	86,0	133,29	129,0	33,3
+ Nguyên liệu, hương liệu, vật liệu SX bia, sữa, bánh kẹo	"	9,5	0,361	1,678	100,3	45,75	58,4	17,7
+ Hàng hóa khác	"	107,5	1,138	5,603	42,8	195,87	25,3	5,2
5. Thu - Chi ngân sách								
- Tổng thu ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	18.598,5	835,5	5.627,9			157,8	30,3
- Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	18.560	835,5	5.618,5			157,5	30,3
<i>Trong đó:</i> - Thu nội địa	"	15.360	568,2	4.058,9			102,5	26,4
- Thu hoạt động XNK	"	3.200	267,3	1.559,6			-236,9	48,7
- Tổng chi ngân sách địa phương	"	15.652,5	563,1	3.294,8			94,0	21,0